

Bản tin chứng khoán

Trong số này

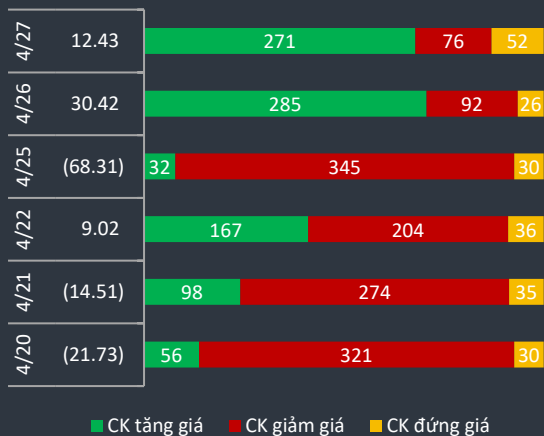
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

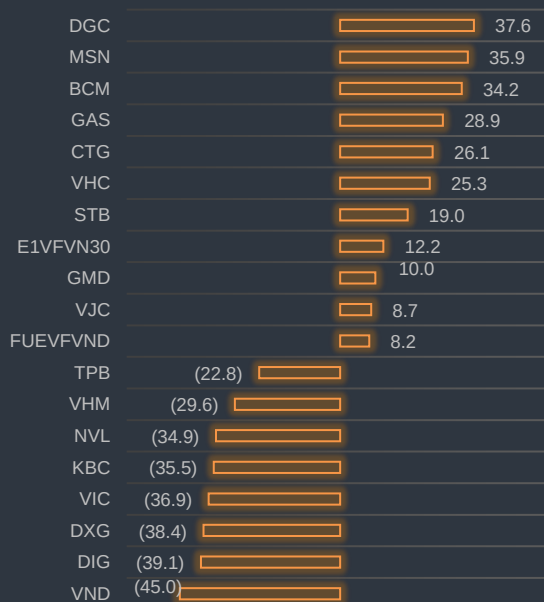
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



VIB: Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) công bố kết quả kinh doanh quý I/2022 với lợi nhuận đạt gần 2.300 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 26% so với cùng kỳ.

Tổng thu nhập hoạt động đạt hơn 4.100 tỷ đồng, trong đó thu nhập lãi thuần đạt 3.500 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ, thu nhập ngoài lãi đạt 650 tỷ đồng, đóng góp 16% vào tổng thu nhập hoạt động. Tăng trưởng tín dụng ở mức 6,1%, dư nợ gần 217.000 tỷ đồng, huy động vốn tăng trưởng tốt ở mức 7,7%, đạt 302.000 tỷ đồng.

Lợi nhuận tăng trưởng ấn tượng đến từ hoạt động tín dụng bán lẻ chất lượng cao, giảm thiểu rủi ro tập trung với gần 90% danh mục là cho vay bán lẻ và 95% có tài sản đảm bảo. Biên lãi ròng (NIM) cũng được cải thiện ở mức 4,5%, nhờ vào chi phí huy động vốn tiếp tục giảm 40 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) giảm về mức hiệu quả nhất từ trước tới nay 35%. Kết thúc quý I/2022, VIB đạt tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) 30%, đứng top đầu ngành.

Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ thêm 5.545 tỷ đồng của VIB dưới hình thức phát hành cổ phiếu thưởng 35% cho cổ đông hiện hữu và 0,7% cho cán bộ nhân viên từ nguồn vốn chủ sở hữu. Sau đợt tăng vốn này, vốn điều lệ tăng lên trên 21.000 tỷ đồng.

DRC: CTCP Cao su Đà Nẵng vừa công bố BCTC quý I/2022 với doanh thu thuần đạt 1.284 tỷ đồng, tăng 40,6% và lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 65,8 tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá vốn bán hàng tăng 45%, đạt 1.083 tỷ đồng. Năm 2022, DRC đặt kế hoạch doanh thu thuần 4.428 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 256 tỷ đồng. Như vậy, kết thúc quý I doanh nghiệp đã đạt 26% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Quy mô tài sản cuối kỳ của DRC là 3.354 tỷ đồng, trong đó hàng tồn kho chiếm tỷ trọng 43%. Đầu tư tài chính ngắn hạn cuối kỳ đạt 465 tỷ đồng, tăng 45% so với đầu kỳ, chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng. Về cơ cấu nguồn vốn, tổng nợ phải trả là 1.514 tỷ đồng, chiếm 45% nguồn vốn. Hơn một nửa số nợ là vay ngắn hạn, còn phải trả người bán ngắn hạn là hơn 402 tỷ đồng.

Vnindex 1353.77
▲ +12.43 (+0.93%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
HPG	42.5	1.3	3.16
STB	28.2	0.8	2.92
MSN	119.0	3.0	2.59
CTG	28.3	0.7	2.35
GVR	29.1	0.6	2.11
HDB	25.0	0.5	2.04
GAS	111.0	2.0	1.83
VIB	41.8	0.7	1.70
HVN	21.9	0.4	1.63
VCB	81.5	1.0	1.24
MBB	29.7	0.4	1.19
PLX	48.3	0.5	1.05
BID	37.2	0.3	0.81
NVL	81.3	0.3	0.37
TCB	41.6	0.1	0.24
REE	74.0	0.1	0.14
SAB	169.0	-	-
VHM	65.0	-	-
VIC	78.0	-	-
ACB	30.9	-	-
VJC	129.0	-	-
BCM	78.2	(0.1)	(0.13)
SSI	34.4	(0.1)	(0.29)
PNJ	107.0	(0.4)	(0.37)
POW	13.0	(0.1)	(0.38)
DHG	99.3	(0.4)	(0.40)
TPB	34.8	(0.2)	(0.43)
BVH	61.5	(0.4)	(0.65)
MWG	147.2	(1.6)	(1.08)
PDR	62.0	(0.7)	(1.12)
VNM	75.0	(0.9)	(1.19)
VPB	36.0	(0.5)	(1.24)
FPT	103.0	(1.3)	(1.25)
VRE	30.5	(0.6)	(1.77)



Thị trường phiên giao dịch hôm nay là một màn thử thách gay gắt với nhà đầu tư. Cú sập mạnh của chứng khoán thế giới đêm qua là dịp thử thách thị trường có thật sự Bull trap hôm qua hay không. Trong phần lớn thời gian giao dịch hôm nay Vnindex luôn chìm trong sắc đỏ và có cảm giác không có hy vọng đảo chiều nào vì đa số cổ phiếu giảm sâu, blue-chips yếu và thanh khoản cực thấp. Đến chiều các chỉ số thậm chí còn tạo đáy sâu trước khi tình hình cải thiện dần từ sau 2g.

Cú đảo chiều tăng hơn 12 điểm là bất ngờ lớn. Cuối phiên blue chip hồi tốt, dòng cơ bản tăng trưởng Q1 cũng xanh dần trở lại. HPG dẫn đầu nhóm blue chip tăng 3%, tiếp theo là STB, MSN, CTG, GVR. Nhóm hàng nóng như FLC, HUT, CEO, ART, VPH, BCG, ITA, HQC lần lượt tăng trần trở lại. Thanh khoản chỉ đạt 13 ngàn tỷ trên HOSE hôm nay không quá bất ngờ. Tình hình tiết cung có thể kéo dài thêm nhiều phiên tới chưa kể nhiều nhịp rung lắc vẫn còn.

Chiến lược vẫn là mua chậm và chắc, canh mua khi giá giảm để giảm thiểu rủi ro. Hạn chế tranh mua, thậm chí giá tăng mạnh là cơ hội bán bớt danh mục. Nhóm cổ phiếu nóng có thể tạo sóng ngắn hiện tại nhưng dài hạn vẫn rủi ro vì vậy nhà đầu tư cần thận trọng tránh mua đuổi và giữ tỷ trọng nhóm này ở mức thấp. Cổ phiếu ưu tiên giao dịch hiện tại: GVR, VIB, BID, VND, MSN, MWG, TNG, DPM, VPB, DGW, STK.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
DGW	134.1	(9.4)	120	160	Mua mới quanh 120-125	4/26/2022	7.3%
VCB	81.5	4.0	75	95	Mua quanh 75-78	4/21/2022	4.0%
MSN	119.0	(4.3)	117	145	Mua thêm quanh 100-110	4/21/2022	-3.3%
SSI	34.4	(2.3)	30	55	Mua quanh 34-35	4/21/2022	-4.4%
VCI	41.2	(5.3)	38	60	Chờ mua quanh 38-40	4/20/2022	-5.3%
VND	31.2	3.0	25	40	Chờ mua quanh 27-30	4/20/2022	3.0%
HDB	25.0	(2.9)	27	37	Chờ mua thêm quanh 20-23	3/31/2022	-12.3%
VPB	36.0	2.1	35	45	Chờ mua thêm quanh 30-32	2/25/2022	-1.5%
TCM	70.0	(6.7)	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	4.5%
HPG	42.5	(1.6)	40	60	Nằm giữ	2/8/2022	-5.6%
FTS	46.9	(6.3)	50	60	Mua thêm quanh 42-45	4/25/2022	-2.4%
TNG	33.0	(13.2)	24	45	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 45	2/7/2022	13.8%
GVR	29.1	(10.6)	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	-9.1%
REE	74.0	(7.5)	60	90	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	13.8%
NLG	50.0	(6.5)	53	65	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	-5.7%
OCB	22.6	(2.6)	24	35	Mua thêm quanh 22-24	4/25/2022	-3.8%
STK	58.6	(3.8)	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	10.6%
VIB	41.8	1.1	40	60	Nằm giữ	1/4/2022	-11.1%
MBB	29.7	0.7	25	35	Nằm giữ, mục tiêu 37	1/4/2022	2.4%
MWG	147.2	(5.6)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	9.0%
DPM	73.0	(7.9)	35	77	Chốt lãi	2/7/2022	73.8%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Thủy sản	5.09
Bất động sản KCN	3.79
Bất động sản	3.68
Dịch vụ tài chính	3.66
Công nghệ Thông tin	3.51
Xây dựng	3.44
Dệt May	3.37
Cao su	3.32
Dầu khí	3.22
Du lịch và Giải trí	3.13
Sản xuất và KD Thép	3.02
Truyền thông	2.80
Khoáng sản	2.74
Viễn thông	2.66
Hóa chất	2.45
Vật liệu xây dựng	2.30
Thực phẩm và đồ...	2.12
Bảo hiểm	2.00
Ô tô và phụ tùng	1.96
Bán lẻ	1.88
Vận tải - Logistics	1.77
Hàng & Dịch vụ...	1.62
Hàng cá nhân & Gia...	1.62
Ngân hàng	1.23
Y tế	1.15
Tài nguyên Cơ bản	1.11
Phân bón	1.00
Điện	0.62
Nước	0.59
Bao (1.64)	

HSG - CTCP Tập đoàn Hoa Sen – Đã thông qua việc phát hành hơn 4,93 triệu cổ phiếu ESOP, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến bắt đầu từ tháng 5/2022.

VOS - CTCP Vận tải biển Việt Nam - VOSCO - Quý I/2022, VOS ghi nhận doanh thu đạt 402,19 tỷ đồng, tăng 57,9% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế đạt 55,75 tỷ đồng so với cùng kỳ lỗ 19 tỷ đồng.

HT1 - CTCP Xi măng Hà Tiên 1 - Đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và thông qua kế hoạch doanh thu 7.800 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 401 tỷ đồng.

HAG - CTCP Hoàng Anh Gia Lai - Quý 1/2022 doanh thu thuần đạt 803 tỷ đồng, cao gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước là 266 tỷ đồng. Sau khi trừ giá vốn và chi phí, HAG báo lãi sau thuế quý 1/2022 đạt 258 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước báo 69 tỷ đồng. Lãi sau thuế công ty mẹ đạt 250 tỷ đồng, là quý thứ 4 liên tiếp HAG có lãi.

SLS - CTCP Mía đường Sơn La - Công bố báo cáo tài chính quý 3 năm tài chính 2021-2022 (năm tài chính của Mía đường Sơn La bắt đầu từ 1/7 đến 30/6 năm sau). Doanh thu thuần trong quý đạt 322 tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ. Trừ các chi phí khác, quý 3 Mía đường Sơn La vẫn lãi sau thuế hơn 57 tỷ đồng, tăng trưởng 23,2% so với số lãi hơn 46 tỷ đồng đạt được cùng kỳ năm trước đó.

HPG - Tập đoàn Hòa Phát - Công bố quý đầu năm doanh thu 44.400 tỷ đồng, tăng 41%; lợi nhuận sau thuế 8.200 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Sản xuất gang thép và các sản phẩm thép đóng góp 90% vào kết quả chung của Tập đoàn.

TLG - CTCP Tập đoàn Thiên Long - Năm 2022, Thiên Long đặt kế hoạch doanh thu tăng 21,8% so với cùng kỳ lên 3.250 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 1,2% lên 280 tỷ đồng. Được biết, Công ty đặt kế hoạch kinh doanh dựa trên giả định kịch bản học sinh đi học ổn định, thị trường hồi phục và trở lại bình thường.

GEX - Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX - Báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2022 của GELEX cho thấy nhiều diễn biến tích cực. Theo đó, doanh thu quý I là 8.682 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 901 tỷ đồng, tăng lần lượt 95 % và gần 170% so với cùng kỳ, đạt 34% kế hoạch cả năm 2022.

VGC - Tổng Công ty Viglacera - CTCP - Năm 2022, Công ty mẹ đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 1.200 tỷ đồng, doanh thu đạt 6.500 tỷ đồng lần lượt tăng 4% và 17% so với thực hiện năm 2021. Dự kiến chia cổ tức năm 2022 tỷ lệ 16%

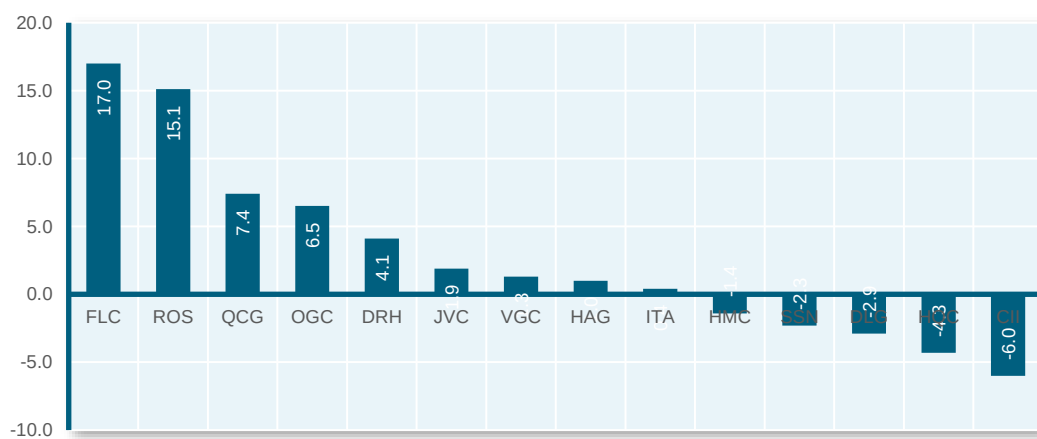


Tổng hợp kết quả kinh doanh theo ngành

Ngành	Số DN	Doanh thu Q1.2021	Doanh thu Q1.2022	% doanh thu	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi nhuận Q1.2022	% tăng trưởng LN
Ngân hàng	16	35,688	44,139	23.7%	18,705	28,000	49.7%
Dịch vụ tài chính	36	8,946	11,959	33.7%	3,412	4,463	30.8%
Phân bón	9	5,487	11,826	115.5%	265	2,375	796.6%
Hóa chất	19	10,420	15,087	44.8%	716	1,930	169.5%
Điện	34	9,713	11,843	21.9%	738	1,694	129.6%
Công nghệ Thông tin	11	8,509	10,887	28.0%	917	1,255	36.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	14	10,893	14,081	29.3%	758	981	29.5%
Sản xuất và KD Thép	17	27,260	41,315	51.6%	1,423	1,420	-0.2%
Xây dựng	52	7,628	8,234	7.9%	205	1,148	458.9%
Vật liệu xây dựng	25	5,957	7,997	34.2%	530	984	85.4%
Thủy sản	17	6,905	9,598	39.0%	287	927	223.1%
Bất động sản KCN	13	1,138	1,332	17.1%	473	672	42.0%
Bất động sản	27	4,046	3,632	-10.3%	1,212	736	-39.3%
Thực phẩm và đồ uống	47	16,692	19,025	14.0%	1,421	2,039	43.5%
Y tế	25	4,883	5,380	10.2%	436	525	20.3%
Vận tải - Logistics	39	9,407	11,178	18.8%	887	1,119	26.2%
Bảo hiểm	7	3,988	4,880	22.4%	444	604	36.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47	12,189	17,380	42.6%	484	545	12.6%
Nước	41	3,966	4,121	3.9%	571	486	-14.9%
Du lịch và Giải trí	19	1,311	1,447	10.4%	83	173	107.1%
Dệt May	12	4,437	5,796	30.6%	182	276	51.5%
Dầu khí	8	4,539	5,840	28.7%	68	154	127.0%
Ô tô và phụ tùng	7	5,064	5,593	10.4%	160	162	1.2%
Cao su	12	1,138	1,207	6.0%	172	161	-6.3%
Bán lẻ	12	12,706	15,922	25.3%	339	333	-1.7%
Truyền thông	21	573	653	13.8%	168	161	-4.2%
Tài nguyên Cơ bản	11	3,543	4,591	29.6%	115	109	-5.7%
Bao bì	13	2,410	2,875	19.3%	91	83	-9.6%
Khoáng sản	18	6,782	10,485	54.6%	103	145	40.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	4	1,312	2,368	80.5%	19	20	8.0%
Xây dựng và Vật liệu	41	2,879	2,724	-5.4%	51	34	-33.8%
Tổng	674	240,409	313,394	30.4%	35,436	53,713	51.6%



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	% so với đầu năm	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	30.9	-10.2%	2,831,800	7.9	1.9	-	-	3,900	16,618
BID	HOSE	37.2	-0.5%	748,100	14.2	2.2	3,700	58,500	2,623	17,073
CTG	HOSE	28.3	-18.7%	3,380,800	8.5	1.5	971,600	50,800	3,338	19,488
EIB	HOSE	30.8	-9.1%	66,200	39.2	2.1	4,900	8,000	785	14,466
HDB	HOSE	25.0	-19.6%	2,477,600	7.1	1.6	309,500	216,800	3,497	15,455
LPB	HOSE	16.3	-20.0%	2,605,100	6.4	1.2	28,100	122,500	2,543	13,960
MBB	HOSE	29.7	2.1%	7,174,300	7.6	1.8	199,910	197,310	3,904	16,538
MSB	HOSE	22.8	-19.7%	896,700	6.9	1.6	-	-	3,292	14,427
OCB	HOSE	22.6	-19.3%	959,800	6.2	1.4	1,500	31,000	3,636	15,917
SHB	HOSE	16.2	-28.0%	7,815,200	6.1	1.2	66,900	115,900	2,635	13,323
SSB	HOSE	37.1	-12.6%	1,921,900	18.4	2.9	400	800	2,015	12,623
STB	HOSE	28.2	-12.1%	8,593,800	15.2	1.6	1,739,500	1,066,500	1,856	18,174
TCB	HOSE	41.6	-18.3%	6,154,800	8.1	1.6	2,200,000	2,200,000	5,144	26,505
TPB	HOSE	34.8	-18.7%	2,244,300	7.9	2.1	44,200	698,800	4,404	16,429
VCB	HOSE	81.5	3.2%	1,429,800	13.8	2.7	1,559,700	1,554,600	5,907	29,974
VIB	HOSE	41.8	-12.4%	676,300	8.8	2.7	800	37,000	4,727	15,640
VPB	HOSE	36.0	-0.1%	12,469,900	8.9	1.9	20,000	20,100	4,037	19,408
BAB	HNX	19.9	-12.7%	13,800	19.5	1.7	-	-	1,018	12,018
NVB	HNX	36.5	10.6%	10,700	-	3.5	-	-	3	10,482
VBB	UPCOM	13.6	-28.8%	10,000	12.2	1.1	90	-	1,119	12,017
VAB	UPCOM	11.8	-20.3%	190,100	8.0	0.8	-	-	1,477	14,341
SGB	UPCOM	15.5	-16.7%	9,500	-	1.3	-	-	398	12,042
PGB	UPCOM	28.8	-14.3%	2,800	32.8	2.1	-	-	878	13,940
NAB	UPCOM	17.0	-14.1%	146,900	-	-	-	-	3,124	15,630
KLB	UPCOM	29.8	16.9%	2,700	12.6	2.3	-	-	2,356	12,945
BVB	UPCOM	16.1	-30.0%	352,300	23.0	1.3	-	-	700	12,637
ABB	UPCOM	12.8	-22.0%	1,416,000	4.7	0.6	300	-	2,731	20,530
				64,601,200	12.67	1.79	7,151,100	6,378,610	2,668	16,022



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VDT	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	VGL	UPCoM	9/5/2022	10/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PHS	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	6/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 480 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	PSC	HNX	5/5/2022	6/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	UEM	UPCoM	4/5/2022	5/5/2022	19/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	SDK	UPCoM	29/04/2022	4/5/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	NAC	UPCoM	28/04/2022	29/04/2022	16/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	PVD	HOSE	28/04/2022	29/04/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:2	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	SFI	HOSE	28/04/2022	29/04/2022	10/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PEQ	UPCoM	28/04/2022	29/04/2022	20/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	PTC	HOSE	26/04/2022	27/04/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:8	Thưởng cổ phiếu
12	THI	HOSE	26/04/2022	27/04/2022	17/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	PSL	UPCoM	25/04/2022	26/04/2022	30/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	FIT	HOSE	25/04/2022	26/04/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:19.39101, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
15	FIT	HOSE	25/04/2022	26/04/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	PRC	HNX	25/04/2022	26/04/2022	18/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HAH	HOSE	25/04/2022	26/04/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:40	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	HAH	HOSE	25/04/2022	26/04/2022	16/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TB8	UPCoM	22/04/2022	25/04/2022	10/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	BCF	HNX	22/04/2022	25/04/2022	18/05/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	STK	HOSE	22/04/2022	25/04/2022	23/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	EBS	HNX	22/04/2022	25/04/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 850 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	QNS	UPCoM	21/04/2022	22/04/2022	6/5/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TMT	HOSE	21/04/2022	22/04/2022	5/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	APL	UPCoM	21/04/2022	22/04/2022	9/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	TKG	UPCoM	21/04/2022	22/04/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:24	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	KHG	HOSE	21/04/2022	22/04/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	KHG	HOSE	21/04/2022	22/04/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:29	Thưởng cổ phiếu



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931